

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
HUYỆN LÂM HÀ  
TỈNH LÂM ĐỒNG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lâm Hà, ngày 28 tháng 6 năm 2024

Số: 36/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 49/2024/TLST - DS ngày 11 tháng 3 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung các thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP P (H).**

Địa chỉ: xx Bis, N, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Quốc T**, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hoàng N**, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP P, chi nhánh Lâm Đồng.

Địa chỉ: x/xx T, phường x, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà **Nguyễn Lê Đoan T**, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: x/xx T, phường x, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*Bị đơn:* Vợ chồng ông **Nguyễn Tấn D**, sinh năm: 1972, bà **Phùng Thị T**, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: số xx/x thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

## 2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Vợ chồng ông Nguyễn Tấn D, bà Phùng Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền gốc là 149.808.349đồng, (*Một trăm bốn mươi chín triệu tám trăm lẻ tám nghìn ba trăm bốn mươi chín đồng*) tiền lãi là 24.318.505đồng (*Hai mươi bốn triệu ba trăm mười tám nghìn năm trăm lẻ năm đồng*). Tổng cộng là 174.127.000đồng (*Một trăm bảy mươi bốn triệu một trăm hai mươi bảy ngàn đồng*).

2.2. Kể từ ngày 21/6/2024 trở đi vợ chồng ông Nguyễn Tấn D, bà Phùng Thị T phải chịu lãi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức số 0133/21CNLD/HĐTD ngày 27/8/2021 đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP P (H) và vợ chồng ông Nguyễn Tấn D, bà Phùng Thị T cho đến khi ông Nguyễn Tấn D, bà Phùng Thị T trả xong nợ cho Ngân hàng TMCP P.

2.3. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0133/21CNLD/HĐBĐ ngày 27/8/2021 đã ký giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP P (H) với vợ chồng ông Nguyễn Tấn D, bà Phùng Thị T cho đến khi ông Dũng, bà Tiếp trả xong nợ cho Ngân hàng TMCP P (H) để đảm bảo thi hành án.

2.4. Vợ chồng ông Nguyễn Tấn D, bà Phùng Thị T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Số tiền này Ngân hàng TMCP P đã tạm nộp và quyết toán xong nên vợ chồng ông Nguyễn Tấn D, bà Phùng Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P (H) số tiền 3.500.000đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu vợ chồng ông Nguyễn Tấn D, bà Phùng Thị T không trả đủ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương

ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.5. Vợ chồng ông Nguyễn Tấn D, bà Phùng Thị T phải chịu 4.353.000đồng (*Bốn triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P (H) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.053.000đồng (*Bốn triệu không trăm năm mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004508 ngày 11/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Sơn Linh**